

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **4610/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 25-9-2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Đăng Vạn
- Bà Đặng Thị Thu Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 589/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6264/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 7408/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim O, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số F Đường C, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số F Đường C, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim O trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh L có tình cảm, tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 02 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê trọ sinh sống tại nhiều nơi, đến năm 2017 thì mua nhà và chuyển về sinh sống ổn định tại địa chỉ số F Đường C, khu phố P, phường L, thành phố T đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L không lo làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt rồi về chửi mắng, xô xát với vợ. Bà O nhiều lần khuyên ngăn chồng thay đổi, mong muốn vợ chồng hòa thuận chăm sóc con cái nhưng ông L không thay đổi. Từ tháng 6 năm 2023 đến nay, vợ chồng đã ly thân dù vẫn sống chung nhà. Nay bà O cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh L.

Về con chung: Bà O xác nhận bà và ông L có 01 người con chung tên Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2015. Khi nộp đơn ly hôn, bà O yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà O trình bày hiện bà làm việc tại Công ty làm về xuất nhập khẩu, thu nhập mỗi tháng trung bình khoảng 17.000.000 đồng nên bà có đủ điều kiện để lo cho con mà không cần cấp dưỡng. Do đó, bà xin rút lại yêu cầu đối với ông L về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà O xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà O tự khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho ông Nguyễn Minh L đến Tòa án để trình bày lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim O có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh

Thị Kim O được ly hôn với ông Nguyễn Minh L; Về con chung: Giao bà O trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2015, ông L không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: tự thỏa thuận; Nợ chung: Không có; Về án phí: Bà O phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị Kim O nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh L, ông L có nơi cư trú tại phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim O có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Bà Huỳnh Thị Kim O và ông Nguyễn Minh L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 02 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2015, quyển số 01/2015 nên hôn nhân giữa bà O và ông L là hợp pháp.

Theo lời khai của bà O thì sau khi kết hôn được 02 năm thì vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống, tính cách, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Bà O đã cố gắng khuyên ngăn nhưng ông L đều không thay đổi. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân, tình cảm vợ chồng không còn nên bà O yêu cầu được ly hôn với ông L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Nguyễn Minh L không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông L không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định. Điều đó thể hiện việc ông L cố tình bỏ mặc, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa ông với bà O. Xét thấy lời khai của bà O là phù hợp với thực tế nêu trên. Mâu thuẫn giữa bà O và ông L đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình,

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Kim O đối với ông Nguyễn Minh L là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2015. Xét, bà O yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Tại bản trình bày nguyện vọng của trẻ thực hiện tại Tòa án cũng thể hiện nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, để đảm bảo duy trì sự phát triển ổn định về mọi mặt của trẻ, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con là phù hợp với tình hình thực tế nên có căn cứ chấp nhận.

Xét việc bà O trình bày có đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà O xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Bà O tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim O phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim O được ly hôn với ông Nguyễn Minh L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2015, quyển số 01/2015, đăng ký ngày 24 tháng 02 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao bà Huỳnh Thị Kim O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2015. Ông Nguyễn Minh L không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Kim O xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà Huỳnh Thị Kim O tự khai không có.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà O đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng số: 0025644 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O đã nộp đủ án phí.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên